

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 18-11-2019

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Duyên

2. Ông Đỗ Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà Vi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị H**, Sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 380/3 Dốc M, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ô 4, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà R-Vũng T. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn B**, Sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 của nguyên đơn chị Võ Thị H và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh B có tìm hiểu nhau được 04 tháng thì sống chung như vợ chồng, sau đó quyết định đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/8/2015. Hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục. Trong thời gian sống chung không hạnh phúc, anh B thường xuyên rượu chè, ngoại tình

với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con. Từ cuối năm 2017 đến nay chị H và anh B không còn sống chung với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn P, sinh ngày 01/7/2012. Hiện nay cháu Phúc đang sinh sống cùng anh B, vẫn phát triển bình thường, khỏe mạnh, không ốm đau bệnh tật gì, nay ly hôn chị H đồng ý giao con chung cho anh B nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn B đã được Toà án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do anh Trần Văn B vắng mặt.

Sau đó, chị Võ Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Võ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Võ Thị H và anh Trần Văn B được ly hôn. Về con chung: hiện nay con chung do anh B trực tiếp nuôi dưỡng và chị H đồng ý giao con chung cho anh B nên giao con chung là Trần Văn P, sinh ngày 01/7/2012 cho anh Trần Văn B nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, do anh B không thể hiện yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: buộc chị Võ Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn B đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Võ Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn B nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Trần Văn B quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng 04 tháng, được hai bên gia đình đồng ý thì sống chung với nhau nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/8/2015 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo chị H trình bày: Trong thời gian vợ chồng sống chung không hạnh phúc là do anh B thường xuyên rượu chè, ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nên từ cuối năm 2017 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, phần ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai, không xây dựng kinh tế chung. Hiện nay mâu thuẫn giữa chị và anh B quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng cuộc sống của cả hai bên nên chị xin được ly hôn với anh Trần Văn B.

Tại biên bản xác minh ngày 29/10/2018, chính quyền địa phương nơi chị Võ Thị H và anh Trần Văn B sinh sống cho biết: Giữa chị H và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh B còn có mối quan hệ với vợ cũ nên chị H ghen tuông. Ngoài ra, trong cuộc sống chung anh B không có trách nhiệm với vợ con nên khoảng 02-03 năm trở lại đây giữa vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Trần Văn B đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc chị H xin ly hôn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Văn B đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Chứng tỏ anh Trần Văn B có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, muốn dây dưa kéo dài gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Nay chị Võ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu cương quyết xin được ly hôn với anh Trần Văn B. Điều đó càng chứng tỏ trong thời gian qua, chị Võ Thị H và anh Trần Văn B sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Võ Thị H và anh Trần Văn B được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị Võ Thị H và anh Trần Văn B có 01 con chung tên Trần Văn P, sinh ngày 01/7/2012. Hiện nay cháu

Phúc đang sinh sống cùng anh B, nay ly hôn chị H tự nguyện giao con cho anh B nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung nên cần tiếp tục giao cháu Phúc cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B vắng mặt không thể hiện yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị H trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị Võ Thị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Thị H xin ly hôn nên buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn*” của chị Võ Thị H với anh Trần Văn B.

Xử cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Văn P, sinh ngày 01/7/2012 cho anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh B không thể hiện yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Võ Thị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0012913 ngày 25/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, chị Võ Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Trần Văn Biên